

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1-HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST  
Ngày 16 tháng 01 năm 2026  
“V/v ly hôn và nuôi con khi ly  
hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-HƯNG YÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Đăng Ban và ông Nguyễn Văn Hạnh.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 250/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1970-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn N, xã Q, tỉnh H.

***Bị đơn:*** Chị Doãn Thị H, sinh năm 1970-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, tỉnh H.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn, bị đơn trình bày:

Anh Nguyễn Mạnh C và chị Doãn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh H cũ, nay là UBND xã Q, tỉnh H vào ngày 12/01/1997. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng ly thân nhau từ tháng đầu năm 2006 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải cho hai vợ chồng nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Vì vậy anh C cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Chị H cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đại D, sinh ngày 26/7/1997 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 31/10/2005. Cả hai con chung đều đã trưởng thành nên anh C, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức, ruộng cấy: Không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C tự nguyện chịu cả án phí ly hôn.

Ngoài ra anh C, chị H không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

### **Tại phiên tòa:**

Anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh C.

Xử cho anh C ly hôn chị H.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ, công sức, ruộng cấy: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí nên phải chịu án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị H nhiều lần để lấy lời khai, cung cấp chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị H vắng mặt. Chị H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy

Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Doãn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh H nay là UBND xã Q, tỉnh H ngày 12/01/1997 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2006 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do không hợp nhau về tính nết, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình đã hòa giải cho hai vợ chồng nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Chị H nhiều lần được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng vẫn cố tình vắng mặt cũng phần nào thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C, chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu vì vậy cần giải quyết cho anh C ly hôn chị H để các bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đại D, sinh ngày 26/7/1997 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 31/10/2005. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tài sản chung: Anh C, chị H đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về nợ chung: Anh C, chị H đều trình bày vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7]. Về công sức, ruộng cấy: Anh C, chị H đều khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh C và chị Doãn Thị H.

Về con chung: Anh C, chị H có hai con chung là Nguyễn Đại D, sinh ngày 26/7/1997 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 31/10/2005. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Anh C, chị H đều trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ: Anh C, chị H đều trình bày vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về công sức, ruộng cấy: Anh C, chị H đều khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Anh C phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002788 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh C đã nộp đủ án phí ly hôn. Hoàn trả anh C 150.000 đồng.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn: UBND xã Q, tỉnh H;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Tuấn**